TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN YÊN BÌNH** **TỈNH YÊN BÁI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 20/2023/HNGĐ-ST
Ngày:05- 5-2023
V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN BÌNH - TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Hoàng Kim Sơn

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lương Kiều Vũ

2. Ông Lương Anh Tuấn

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Nguyễn Thị Hải Phượng – Thư ký Toà án nhân dân huyện Yên Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Bình tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Huy Đức – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Bình, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 05 /2023/TLST – HNGĐ ngày 01 tháng 02 năm 2023 về việc: "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 21/3 /2023 và Thông báo mở lại phiên toà số 08 2023/TB-TA ngày 19 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị G; vắng mặt.

Bị đơn: Anh Đỗ Đức Th; vắng mặt.

Cùng trú tại địa chỉ: Thôn Ngòi Khang, xã B.A, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị G trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Đỗ Đức Th kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B.A, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái vào ngày 07/01/1994. Quá trình chung sống vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là anh Th hay say rượn khi say thì thường xuyên mắng chửi và thậm trí đánh đập chị G, năm 2022 anh chị đã làm đơn xin ly hôn, nhưng được hoà giải đoàn tụ nhưng trong thời gian này mâu thuẫn vẫn

không khắc phục được, đỉnh điểm ngày 26/01/2023 anh Th đã đuổi chị G ra khỏi nhà và hai người đã ly thân từ đó đến nay. Chị G xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh Th nữa chị yêu cầu Toà án giải quyết được ly hôn với anh Th.

Về con chung: Giữa chị và anh Đỗ Đức Th có 01 con chung là cháu Đỗ Đức Anh, sinh ngày 09-09-1994 hiện nay cháu đã đến tuổi trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết về con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện đầy đủ thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật và thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Đỗ Đức Th, niêm yết tại địa phương nơi anh Th sinh sống nhưng anh Th không có mặt và không thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình. Do vậy Tòa án lập biên bản về việc vắng mặt của đương sự và tiếp tục giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Tại biên bản xác minh ngày 10/3/2023 tại địa phương nơi chị G và anh Th sinh sống, thì địa phương cung cấp thông tin: Về thời gian, địa điểm và các điều kiện kết hôn như chị Nguyễn Thị G trình bày là đúng. Sau khi kết hôn thì vợ chồng sống tại địa phương bình thường, không thấy xảy ra mâu thuẫn gì, sau đó năm 2019 thì thấy vợ chồng phát sinh mâu thuẫn như cãi chửi, xô sát với nhau, nguyên nhân là do kinh tế gia đình khó khăn, vợ chồng không bảo được nhau và đã từng đưa nhau ra Toà từ năm 2022 sau đó lại rút đơn đoàn tụ , nhưng đến đầu năm 2023 thì thấy vợ chồng sẩy ra mâu thuẫn. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 01/2023 từ đó không quan tâm đến cuộc sống của nhau, nay chị G có đơn xin ly hôn. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định.

Về con chung: Chị G và anh Th chung là cháu Đỗ Đức Anh, sinh ngày 09-09-1994.

Về tài sản chung, nợ chung: Chính quyền địa phương không nắm rõ nên không cung cấp được thông tin.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái tại phiên tòa:

Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; quyền và nghĩa vụ của đương sự được đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, Điều 238, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

+ Cho nguyên đơn chị Nguyễn Thị G được ly hôn với bị đơn anh Đỗ Đức Th .

+ Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị G không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

+ Về án phí: Chị Nguyễn Thị G phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

+ Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Đỗ Đức Th có hộ khẩu thường trú tại thôn Ngòi Khang, xã B.A, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Yên Bình.

Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn đã được thông báo hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do nên Tòa án căn cứ Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt những người tham gia tố tụng.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị G và anh Đỗ Đức Th kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B.A, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái ngày 07/01/1994. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp.

Quá trình giải quyết vụ án, chị G xác định vợ chồng sống ly thân từ đầu năm 2023 đến nay không quan tâm đến cuộc sống của nhau, không có cuộc sống hôn nhân hạnh phúc.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cũng đã triệu tập anh Th nhiều lần, để giải quyết vụ án của hai vợ chồng nhưng anh Th và đều vắng mặt không có lý do, qua xác minh tại nơi ở của chị G, anh Th tại địa phương thì được cung cấp thông tin là hiện nay chị G và anh Th ly thân từ đầu năm đến nay, anh Th hiện nay đi làm ăn xa không có mặt, thi thoảng mới về địa phương, không quan tâm đến cuộc sống của nhau, do đó đề nghị ly hôn của chị Nguyễn Thị G đưa ra là có căn cứ cho rằng tình trạng hôn nhân giữa chị G và anh Th đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không có, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy cần áp dụng khoản 1 điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình để xử cho chị G được ly hôn với anh Th.

[3] Về con chung: Chị G và anh Th chung là cháu Đỗ Đức Anh, sinh ngày 09-09-1994. Nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị G không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị G phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[6] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; Điều 238; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị G được ly hôn anh Đỗ Đức Th

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị G phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp tại biên lai số AA/2022/0000529 ngày 01-02-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Bình (Chị G đã nộp đủ án phí).

3. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị G và anh Đỗ Đức Th được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Hoàng Kim Sơn

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Yên Bái
- VKS ND huyện Yên Bình
- Chi cục THADS huyện Yên Bình.
- Các đương sự
- UBND xã B.A.
- Lưu hs, TA